

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

Về hôn nhân: Bà với ông L quen biết, thương yêu và sống chung năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Chánh, huyện Châu Phú ngày 25/10/2005. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 01/5/2021 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phan Hoài Bảo, sinh ngày 21/6/2005. Hiện con đang chung sống với ông L, sau khi ly hôn bà T đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt các lần toà án triệu tập, không có văn bản trình ý kiến.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông Nguyễn Văn L. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra để giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến, quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc “ly hôn, nuôi con”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

HĐXX thấy rằng, bà T và ông L đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử toà án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ rằng ông L không còn mong muốn Toà án hoà giải đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, ông L và bà T đã ly thân hơn một năm nay. Điều này thể hiện vợ chồng ông bà không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chia sẻ, thực hiện công việc gia đình với nhau. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

HĐXX thấy rằng, từ lúc bà T và ông L ly thân đến nay con chung do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường của con. Mặt khác, bà T tự nguyện giao con cho ông L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. **Vì vậy, để không ảnh hưởng đến tâm lý, nhằm ổn định cuộc sống bình thường của trẻ em nên HĐXX giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.**

Về cấp dưỡng nuôi con: **Bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, ông L không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không có cơ sở buộc thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.**

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị T đối với ông Nguyễn Văn L

Giấy chứng nhận kết hôn số 150 ngày 25/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao Nguyễn Phan Hoài Bảo, sinh ngày 21/6/2005 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Phan Thị T đã nộp theo biên lai thu số: 0003368 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Bình Chánh, H.Châu Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Văn Hoà